

Số: 2509 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đảo Gò Găng thành phố
Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị; Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 235/2005/QĐ-TTg ngày 20/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung 1/10.000 thành phố Vũng Tàu đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1401/2006/QĐ-UBND ngày 10/5/2006 của UBND Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung 1/10.000 thành phố Vũng Tàu đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 05/6/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kết quả cuộc thi Quốc tế Ý tưởng quy hoạch chi tiết 1/2000 đảo Gò Găng và núi Lớn núi Nhỏ, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3827/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đảo Gò Găng và Núi Lớn – Núi Nhỏ, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung 1/10.000 thành phố Vũng Tàu đến năm 2020 cho khu vực đảo Gò Găng;

Căn cứ văn bản số 2949/UBND-VP ngày 19/5/2010 của UBND tỉnh về việc đổi tên gọi quy hoạch chi tiết thành quy hoạch phân khu 1/2000 đảo Gò Găng và Núi Lớn – Núi Nhỏ, thành phố Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 319/TTr-SXD ngày 30/10/2012 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đảo Gò Găng thành phố Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đảo Gò Găng thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và tính chất khu vực lập quy hoạch

1.1. Vị trí và phạm vi ranh giới khu vực lập quy hoạch:

- Phía Bắc giáp: Sông Rạng;

- Phía Tây giáp: Sông Chà Vò;

- Phía Đông và phía Nam giáp: Sông Dinh,

Thuộc địa phận xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

1.2. Quy mô khu vực lập quy hoạch:

- Đảo Gò Găng có diện tích rộng khoảng 1.700 ha, trong đó phần đảo chiếm 1.350 ha, còn lại là diện tích mặt nước. Khu vực lập quy hoạch là phần diện tích đảo, rộng khoảng 1.350 ha; trong đó quy mô đất xây dựng phát triển khu đô thị khoảng 639 ha, đất rừng ngập mặn và dự trữ phát triển 711 ha.

- Quy mô dân số sống và làm việc tại đảo khoảng 24.300 người. Dân số tại đây chủ yếu là những người đến làm việc tại đảo sau này.

1.3. Tính chất quy hoạch:

Gò Găng là một trong những khu chức năng đô thị thuộc thành phố Vũng Tàu; là đô thị dịch vụ tổng hợp cao cấp đa ngành, gồm: Trung tâm đào tạo công nghệ cao, trung tâm tài chính ngân hàng, dịch vụ hàng hải, hàng không,...; khu dịch vụ ở cao cấp gắn liền với hệ thống mặt nước, cây xanh sinh thái, có ý nghĩa về phát triển kinh tế xã hội, môi trường kiến trúc cảnh quan đô thị.

2. Quy hoạch phân khu chức năng:

Đảo Gò Găng được phân làm 6 khu chức năng chính:

2.1. Khu Z1 - Trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại:

Khu chức năng này có vị trí phía Tây Nam đảo, diện tích rộng khoảng 29,68 ha được quy hoạch là Trung tâm tài chính và thương mại lớn, được hợp thành bởi một chuỗi phố mua sắm nằm ở tầng đế của các tòa nhà văn phòng cao từ 7 - 12 tầng, có kiến trúc hiện đại. Mật độ xây dựng tối đa 50%.

2.2. Khu Z2 - Trung tâm đào tạo, nghiên cứu:

Khu chức năng này có vị trí phía Nam đảo, diện tích rộng khoảng 94,24 ha được quy hoạch là Trung tâm nghiên cứu, đào tạo công nghệ cao phục vụ cho các công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài đảo tạo thành một chu trình khép kín, gồm: Đào tạo – sản xuất – kinh doanh. Mật độ xây dựng tối đa 40%. Chiều cao công trình từ 2 - 6 tầng.

2.3. Khu dịch vụ hàng không, sân bay:

Khu chức năng này có vị trí phía Đông Nam và Tây Bắc của sân bay, diện tích rộng khoảng 50,24 ha, với chức năng cung ứng các dịch vụ hàng không dân sự, đồng thời cũng có chức năng thực hiện nhiệm vụ đặc biệt của quốc phòng khi có yêu cầu. Trung tâm hậu cần này cũng sẽ hỗ trợ các ngành công nghiệp khác nhau, như hàng không xuất khẩu, doanh nghiệp, đào tạo,... Mật độ xây dựng tối đa 40%. Chiều cao công trình từ 2 - 4 tầng, với cách thức xây dựng bằng các kết cấu không gian lớn phù hợp cho chức năng công trình.

2.4. Khu Z4 – Trung tâm dịch vụ cửa ngõ:

Khu chức năng này có vị trí phía Đông của đảo - nối bán đảo Vũng Tàu với đảo Gò Găng, diện tích rộng khoảng 66,97 ha, với chức năng cung ứng đa dịch vụ. Mật độ xây dựng tối đa 40%. Chiều cao công trình từ 2 - 6 tầng, là tổ hợp của các công trình thương mại với quy mô lớn, tạo nên bộ mặt cửa ngõ của Gò Găng.

2.5. Khu Z5 – Khu dịch vụ kết nối với đảo Long Sơn:

Khu chức năng này có vị trí phía Tây Bắc đảo, diện tích rộng khoảng 25,03 ha, với chức năng cung ứng các dịch vụ công nghiệp cửa ngõ kết nối đảo Long Sơn với các hoạt động thương mại dịch vụ, gắn kết các hoạt động công nghiệp tại đảo Long Sơn. Mật độ xây dựng tối đa 40%. Chiều cao công trình từ 2 - 6 tầng.

2.6. Khu Z6 – Khu dịch vụ ở:

Khu chức năng này có vị trí lõi trung tâm đô thị Gò Găng, diện tích rộng khoảng 112,14 ha, trong đó diện tích đất ở khoảng 87 ha, là chức năng ở. Trong khu vực này bố trí căn hộ, các biệt thự cao cấp bên hồ với chất lượng dịch vụ công cộng cũng như dịch vụ ở cao nhằm đảm bảo chức năng sinh sống và làm việc cho dân cư trên đảo. Mật độ xây dựng từ 30 - 40%. Chiều cao từ 2 - 8 tầng.

2.7. Khu Z7 – Khu chức năng khác:

Ngoài các khu chức năng chính của đô thị như đã nêu ở trên, còn các khu chức năng khác như sau:

- Khu sân bay rộng khoảng 200 ha là sân bay dân dụng kết hợp quân sự.
- Khu công viên trung tâm, công viên sinh thái rộng khoảng 485,5 ha; không gian xanh, mặt nước khoảng 226,2 ha. Các khu chức năng này đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng, điều hòa môi trường sống trên đảo.
- Đất giao thông chính trong đô thị khoảng 60 ha (chưa tính đất giao thông nội bộ nằm trong các khu chức năng từ Z1 đến Z6).

Bảng Quy hoạch phân khu chức năng

STT	PHÂN KHU CHỨC NĂNG	Diện tích (Ha)	MĐXD tối đa (%)	Chiều cao trung bình	Chiều cao tối đa	Tổng số người sống và làm việc
Z1	Trung tâm kinh tế tài chính thương mại	29,68				0
2	Đất thương mại, khoa học, du lịch	16,22	50	7	12	
3	Đất công trình tiện ích công cộng	0,59	50	7	12	

4	Đất công viên đô thị	1,50				
5	Quảng trường	3,93				
7	Đất giao thông	7,44				
Z2	Khu đào tạo nghiên cứu sản xuất	94,24				3.915
1	Đất công trình tiện ích công cộng	4,11	30	2	4	
2	Đất thương mại, khoa học, du lịch	19,98	40	2	4	
4	Đất trường đại học	10,08	30	4	6	
5	TT nghiên cứu khoa học CN cao	9,49	30	4	6	
5	Quảng trường	4,11				
9	Đất công viên đô thị	21,62				
10	Đất giao thông HTKT	24,84				
Z3	Khu dịch vụ sân bay	50,24				0
1	Đất thương mại, khoa học, du lịch sân bay	35,51	40	2	4	
7	Đất giao thông	14,73				
Z4	Trung tâm cung cấp dịch vụ công nghệ cao	66,97				
1	Đất hỗn hợp	14,00	40	3	6	
2	Đất thương mại, khoa học, du lịch	24,64	40	2	4	
9	Đất công viên đô thị	2,58				
6	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	25,75				
Z5	Khu dịch vụ kết nối Long Sơn	25,03				0
2	Đất thương mại, khoa học, du lịch	15,23	40	2	4	
3	Đất giao thông	9,80				
Z6	Khu đô thị ở	112,14				20.363
6	Đất ở mật độ cao	21,63	40	6	8	
7	Đất ở mật độ trung bình	11,53	35	4	6	
8	Đất ở mật độ thấp	22,34	30	2	4	
3	Đất trường học	10,40	30	4	6	
2	Đất công trình tiện ích công cộng	0,87	30	2	4	
9	Đất công viên đô thị	9,00				
5	Quảng trường	4,86				
6	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	31,51				
Z	(Z1+Z2+Z3+Z4+Z5+Z6)	378,31				24.279
A	Sân bay	200,00				
CP	Công viên trung tâm	31,49				
M1	Công viên thể thao sinh thái	285,00				
M2	Công viên thể thao sinh thái	169,00				
G1	Không gian xanh	47,50				
G2	Không gian xanh	58,70				
W	Mặt nước ngoài đô thị	120,00				
R	Đất giao thông chính đô thị	60,00				
Tổng cộng	(Z + A + CP + M1 + M2 + G1 + G2 + W + R)	1.350,00				24.279

3. Quy hoạch cơ cấu và các chỉ tiêu sử dụng đất:

3.1. Quy hoạch các chỉ tiêu sử dụng đất:

a) Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị: 47,3 %;
- Đất công trình công cộng đơn vị ở : 7 m²/người;
- Đất cây xanh đô thị: 14 m²/người;
- Đất giao thông toàn đô thị: 70 m²/người.
- Tầng cao: Tối đa 13 tầng.

b) Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị : 26,76%;
- Chỉ tiêu cấp nước: 200L/người/ngày.đêm;
- Chỉ tiêu thoát nước thải: 160L/người/ngày.đêm;
- Cáp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 600 W/người.

+ Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng, trường học, văn phòng, trung tâm thương mại ...: 35 % phụ tải cáp điện sinh hoạt.

- Vệ sinh môi trường:

- + Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày.đêm;
- + Chỉ tiêu rác thải công cộng: 10% CTR sinh hoạt.

3.2. Quy hoạch cơ cấu sử dụng đất :

Bảng Quy hoạch cơ cấu sử dụng đất

STT	GÒ GĂNG	Diện tích (Ha)	Tỉ lệ (đất xây dựng đô thị - %)
A	Đất xây dựng đô thị	638,9	
1	Đất thương mại dịch vụ, khoa học, du lịch (Bao gồm đường giao thông khu vực, bến bãi..)	158,50	24,81
2	Đất trường đại học , TT nghiên cứu	19,57	3,06
3	Đất sân bay	200	31,30
4	Đất dịch vụ sân bay	50,24	7,86
5	Đất công trình tiện ích công cộng	15,97	2,10
6	Cây xanh công viên, quảng trường	47,61	7,45
7	Đất ở (Bao gồm giao thông khu ở)	87,01	11,46
8	Giao thông chính	60,0	9,39
B	Đất ngoài đô thị	711,1	
1	Đất công viên sinh thái rừng ngập mặn	532,4	83,33
2	Mặt nước	120	18,78
3	Đất dự trữ phát triển đô thị	58,7	9,19
Tổng cộng (B + C)		1.350,0	

4. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

Trục chính đối ngoại của đảo Gò Găng là tuyến đường Vũng Tàu- Gò Găng - Long Sơn có hướng đầu nối như sau:

+ Hướng số 1: Tuyến đường Vũng Tàu – Gò Găng kéo dài về phía Đông khu quy hoạch và đầu nối qua cầu Gó Găng hiện nay đã hình thành. Tuyến này đóng vai trò là trục vận tải chính của đảo ra quốc lộ 51, chiều dài tuyến 2,8 km, quy mô tuyến đường này dự kiến 6 làn xe, chiều rộng mặt đường 2 x 11,5m, chỉ giới đường đỏ 40,5m. Đây là tuyến đường trục chính nối Gò Găng với trung tâm thành phố Vũng Tàu, trung tâm thành phố Bà Rịa và huyện Long Điền.

+ Hướng số 2: Nối từ Gò Găng qua Long Sơn kéo dài về phía Tây khu quy hoạch. Quy mô tuyến đường này dự kiến 6 làn xe, chiều rộng mặt đường 2 x 7,5m, chỉ giới đường đỏ 40,5m. Đây là tuyến đường trục chính nối các trung tâm như Bà Rịa, Long Điền với Long Sơn và Gò Găng cũng như với sân bay Gò Găng trong tương lai.

- Giao thông nội bộ:

Mạng lưới đường được thiết kế hợp lý đối với từng khu vực cụ thể tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh liên kết toàn khu vực.

Bảng mặt cắt ngang các tuyến đường chính và đường khu vực

Số thứ tự	Mặt cắt ngang	Chiều rộng (m)				Chiều dài (km)	Ghi chú
		Vỉa hè trái	Mặt đường	Vỉa hè phải	Dài phân cách		
Đường giao thông chính						70,35	
1	A-A	8,0	15,0	8,0	9,5	3,2	
2	1-1	8,0	34,0	8,0	4,0	3,1	
3	2-2	8,0	29,5	8,0	2,0	3,1	
4	3-3	8,0	25,5	8,0	2,0	0,4	
5	4-4	8,0	21,0	8,0	-	0,6	
6	5-5	5,0	13,0	5,0	10,0	0,2	
7	6-6	5,0	13,0	5,0	-	12,8	
8	7-7	5,0	7,0	5,0	-	46,95	

Các công trình phục vụ giao thông.

- Cầu, cống:

+ Các cây cầu xây dựng mới qua Sông Dinh, Sông Chà Và là cầu Gò Găng và cầu Chà Và được thiết kế là cầu vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép, tải trọng tính toán H-30, XB-80, tĩnh không các cầu vượt sông chính được nghiên cứu cụ thể kết cấu và loại hình cầu để đảm bảo khả năng thông thuyền cho tàu qua lại khu vực này.

+ Các loại cầu vượt sông trong khu quy hoạch được nghiên cứu về kết cấu và loại hình cho phù hợp điều kiện triển khai và quy hoạch được duyệt.

Bãi đỗ xe:

Diện tích bến bãi, quảng trường chiếm khoảng 2,5% đất xây dựng đô thị. Bãi đỗ xe trong khu đô thị Gò Găng được bố trí theo từng dự án cụ thể. Các bãi đỗ xe được bố trí tại các khu trung tâm thương mại, các khu vui chơi giải trí, trong khu sân bay và khu vực cảng logistic.

Chỉ tiêu giao thông đạt được:

- + Diện tích đất giao thông đô thị: 171,00 ha ;
- + Chiều dài mạng lưới đường đô thị khoảng: 70,35 km ;
- + Tỷ lệ đất giao thông khoảng : 22,52% ;

4.2. San nền - thoát nước mặt:

- + Cao độ nền khu vực xây dựng không chế thấp nhất: $\geq +2,65m$;
- + Cao độ nền khu công viên cây xanh $\geq +2,50m$;
- + Cao độ nền khu vực xây dựng không chế cao nhất: $\leq +3,5m$;
- + Tổng khối lượng đất đắp: Khoảng 17 triệu 5 trăm ngàn m³, chiều cao trung bình: + 2,3m.
- + Tổng khối lượng đào nền, nạo vét lòng sông, khơi dòng chảy: Khoảng 2 triệu 5 trăm ngàn m³, chiều cao trung bình: - 2,5m.
- + Tổng khối lượng nạo vét bùn, đất hữu cơ: Khoảng 2 triệu m³, chiều dày bóc hữu cơ trung bình: + 0,3m.

(Khối lượng sẽ được tính chính xác trong quá trình lập dự án đầu tư).

+ Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp. Đối với các khu vực thấp trũng khi xây dựng công trình cần đắp nền đến cao độ không chế để chống ngập và thuận tiện thoát nước.

+ Các khu vực lấn biển để làm bến cảng, bến du thuyền cần xây kè tránh sạt lở, xây đê chắn sóng.

+ Khu rừng cây hiện hữu phải có giải pháp giữ nguyên địa hình tự nhiên không chặt phá cây rừng.

+ Các khu công viên rừng cải tạo được nghiên cứu san thêm đất mới và các loại đất hữu cơ cần thiết để thuận lợi cho việc trồng cây gây rừng.

+ Đối với những khu vực dự kiến xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật được san gạt tại chỗ, tạo độ dốc taluy tối đa là 1:1 tránh san gạt lở.

- Hướng thoát nước mặt dự kiến: Mạng lưới thoát nước mưa phân bố đều trên diện tích xây dựng, đảm bảo cho khu vực không bị ngập úng cục bộ. Mạng nước mưa đảm bảo nguyên tắc tự chảy, thoát nước nhanh nhất.

4.3. Cấp điện:

- Nguồn điện: Dự kiến nguồn điện cấp cho khu vực đảo Gò Găng sẽ được đấu nối tới trạm biến áp Gò Găng 110kV/22kV-2x25MVA đặt tại đảo Gò Găng, và một phần từ tuyến điện trung thế 22 kV dọc đường Ba Tháng Hai.

- Chỉ tiêu cấp điện: 2.400 kWh/người/năm.

Chỉ tiêu cấp điện được đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn của đô thị đặc biệt, theo quy chuẩn xây dựng chỉ tiêu cấp điện như sau:

Bảng chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt (theo người)

STT	Chi tiêu	Giai đoạn dài hạn
1	Điện năng (KWh/người.năm)	2400
2	Số giờ sử dụng công suất lớn nhất (h/năm)	3000
3	Phụ tải (W/người)	850

Các đường cáp điện và lưới điện đi theo hành lang kỹ thuật quy định trong đồ án, đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật của Tổng Công ty điện lực ban hành.

Lưới điện chiếu sáng yêu cầu dùng đèn đảm bảo độ rọi tùy thuộc vào loại đường. Đối với các tuyến đường dạo, đường ven sông, ven hồ, trong vườn hoa công viên sử dụng các loại đèn trang trí.

4.4. Cấp nước:

- Nguồn nước cấp sinh hoạt được cung cấp từ các nguồn sau:
 - + Trạm nhà máy nước ngầm Bà Rịa(10.000 m³ /ngđ);
 - + Nhà máy nước mặt Sông Dinh (45.000 m³/ngđ);
 - + Nhà máy nước Hồ Đá Đen(500.000m³/ngđ);

Bảng Chỉ tiêu cấp nước

TT	Các loại nước	Quy mô	Tiêu chuẩn	Q (m ³ /ngày)
1	Sinh hoạt (Qsh)	24.555 người	200 Lit/ người	4.911
2	Công cộng, dịch vụ		11%Qsh	540,21
3	Tưới cây, rửa đường		11%Qsh	540,21
10	Dự phòng + rò rỉ		10%nQ ₁₋₃	491,1
	Tổng cộng			6.482,52

Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 6.500 m³/ngày đêm.

- Mạng lưới đường ống cấp được thiết kế liên hoàn với hệ thống cấp nước chung của thành phố và được đấu nối vào đường ống cấp nước D800 chạy dọc theo tuyến đường Quốc Lộ 51 thông qua trạm bơm tăng áp. Mạng lưới đường ống được thiết kế dạng vòng kín và một số tuyến nhánh phân khu có đường kính từ D63÷D400 mm. Tổng chiều dài mạng lưới đường ống cấp nước khoảng 96.000m.

4.5. Thoát nước bẩn, vệ sinh môi trường:

- Nước thải trong khu quy hoạch được thu gom vào hệ thống cống thoát nước thải riêng và đưa về trạm xử lý nước thải khu vực có công suất 8.494 m³/ngày, diện tích đất xây dựng khoảng 1,0ha. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường được phép xả ra sông.

Bảng Chỉ tiêu thoát nước thải

STT	Loại nước thải	Tiêu chuẩn
1	Sinh hoạt	160 lít/người/ngày
2	Dịch vụ công cộng	17,6 lít/người/ngày

- Rác thải sinh hoạt được tập trung và vận chuyển về bãi xử lý tập trung của thành phố. Tiêu chuẩn rác thải: 1,2 kg/người/ngày đêm.

5. Giải pháp về môi trường:

- Nhận diện, phân tích rõ các thách thức để có giải pháp nhằm:

+ Tạo ra thành phố với lượng carbon thải ra thấp nhất;

+ Bảo tồn, phát triển nguồn tài nguyên tự nhiên;

+ Giới hạn tác động các hoạt động của con người lên môi trường;

+ Đảm bảo tính bền vững kinh tế- xã hội;

+ Bảo vệ thành phố khỏi tác động xấu của biến đổi khí hậu.

- Các định hướng điều tra nghiên cứu các giải pháp về môi trường:

+ Quản lý năng lượng: Nâng cao hiệu quả năng lượng bằng cách tiến hành sản xuất năng lượng sạch.

+ Biện pháp tiếp cận biển: chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua quá trình ứng phó với hiện tượng mực nước biển dâng cao.

+ Hệ thống giao thông vận tải đa phương thức và các điểm trung chuyển giao thông thuận tiện.

+ Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của việc tái định cư và tái cấu trúc sản xuất.

+ Khu vực sinh thái nhằm duy trì và tái tạo hệ sinh thái rừng ngập mặn.

6. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện:

- Giai đoạn 1: Khu trung tâm tài chính thương mại và giao tiếp đô thị;

- Giai đoạn 2: Trục đường vành đai;

- Giai đoạn 3: Khu trung tâm của đảo;

- Giai đoạn 4: Khu kết nối Gò Găng – Long Sơn và các khu rừng ngập mặn.

Điều 2. Trách nhiệm của UBND thành phố Vũng Tàu:

- Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Đài Phát thanh và Truyền hình và các cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đảo Gò Găng thành phố Vũng Tàu trong vòng 30 ngày kể từ khi ký ban hành quyết định này;

- Tổ chức lập, phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới; triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa theo đồ án quy hoạch được duyệt theo quy định;

- Lập kế hoạch và xây dựng lộ trình chi tiết việc tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch đô thị được duyệt trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Trên cơ sở kế hoạch và xây dựng lộ trình đã đề ra, tổ chức lập quy hoạch chi tiết 1/500 cho các khu vực trong đồ án theo lộ trình đã đề ra, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định đối với khu vực quan trọng trong đô thị.

Điều 3. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với UBND thành phố Vũng Tàu công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đảo Gò Găng thành phố Vũng Tàu;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với UBND thành phố Vũng Tàu và các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch và lộ trình tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng quy hoạch đảo Gò Găng thành phố Vũng Tàu theo quy hoạch được duyệt;

- Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để UBND thành phố Vũng Tàu tổ chức thực hiện các việc liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Công Thương; Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Lưu: VT-TH. x6. (4)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *[Signature]*



CHỦ TỊCH

Trần Minh Sanh